

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN LỚP 4

ĐỀ SỐ 3

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng!

Câu 1: Giá trị của chữ số 8 trong số 28 245 301 là

- A. 8 000 B. 80 000 C. 800 000 D. 8 000 000

Câu 2: Số trung bình cộng của hai số là 45. Biết rằng số thứ nhất là 58. Tìm số thứ hai?

- A. 32 B. 90 C. 51 D. 18

Câu 3: Vườn rau nhà Minh có $\frac{3}{5}$ diện tích trồng rau cải, $\frac{2}{7}$ diện tích trồng rau su hào. Diện tích vườn còn lại để trồng hoa. Hỏi diện tích trồng hoa bằng bao nhiêu phần diện tích vườn rau?

- A. $\frac{4}{35}$ B. $\frac{8}{35}$ C. $\frac{1}{35}$ D. $\frac{6}{35}$

Câu 4: Số nào sau đây chia hết cho 2 và 9:

- A. 53 252 B. 41 832 C. 43 768 D. 27845

Câu 5: Quãng đường từ nhà đến trường dài 1250 m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 50 000, quãng đường dài bao nhiêu mi-li-mét?

- A. 15 mm B. 20 mm C. 25 mm D. 250 mm

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

$$6\text{m}^2 9\text{dm}^2 \dots\dots 690 \text{dm}^2$$

$$5\,000\,000 \text{m}^2 \dots\dots 5 \text{km}^2$$

$$6 \text{ tấn } 70\text{kg} \dots\dots 66 \text{ tạ}$$

$$5 \text{ tấn } 70\text{kg} \dots\dots 5700\text{kg}$$

Câu 2: Tính:

a) $\frac{3}{8} \times \frac{4}{9} + \frac{1}{12}$

b) $\frac{11 \times 21 \times 27}{9 \times 33 \times 14}$

Câu 3: Một trang trại nuôi gà có số gà mái nhiều hơn gà trống là 329 con. Sau khi mua thêm 25 con gà trống

thì số gà trống bằng $\frac{3}{5}$ số gà mái. Hỏi lúc đầu trang trại có bao nhiêu con gà trống, bao nhiêu con gà mái?

Câu 4: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 150 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a) Tính diện tích của mảnh vườn đó.

b) Người ta trồng rau trên mảnh vườn đó, cứ 10 m^2 thu hoạch được 5 kg rau. Vậy cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

Câu 5: Tính bằng cách hợp lý

a) $\frac{2}{7} + \frac{5}{9} + \frac{5}{7} + \frac{11}{13} + \frac{1}{3} + \frac{2}{13}$.

b) $\frac{1}{2} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{3} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{4} \times \frac{6}{13}$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. A	3. A	4. B	5. D
------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Bài 1.

Phương pháp giải

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$$

$$1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$$

$$1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$$

Lời giải chi tiết

$$6 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 < 690 \text{ dm}^2 \text{ (Vì } 6 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = 609 \text{ dm}^2)$$

$$5\,000\,000 \text{ m}^2 = 5 \text{ km}^2$$

$$6 \text{ tấn } 70 \text{ kg} > 66 \text{ tạ} \text{ (Vì } 6 \text{ tấn } 70 \text{ kg} = 67 \text{ tạ)}$$

$$5 \text{ tấn } 70 \text{ kg} < 5700 \text{ kg} \text{ (Vì } 5 \text{ tấn } 70 \text{ kg} = 5070 \text{ kg)}$$

Câu 2:

Phương pháp giải

- Biểu thức có phép tính cộng và phép nhân ta thực hiện phép nhân trước, phép cộng sau.

- Muốn nhân các phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

Lời giải chi tiết

a) $\frac{3}{8} \times \frac{4}{9} + \frac{1}{12} = \frac{3 \times 4}{8 \times 9} + \frac{1}{12} = \frac{3 \times 4}{4 \times 2 \times 3 \times 3} + \frac{1}{12} = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} = \frac{2}{12} + \frac{1}{12} = \frac{3}{12} = \frac{1}{4}$

b) $\frac{11 \times 21 \times 27}{9 \times 33 \times 14} = \frac{11 \times 7 \times 3 \times 9 \times 3}{9 \times 11 \times 3 \times 7 \times 2} = \frac{3}{2}$

Câu 3

Phương pháp giải

- Tìm hiệu giữa số gà mái và gà trống sau khi mua thêm 25 con gà trống.

- Vẽ sơ đồ

- Tìm hiệu số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần.

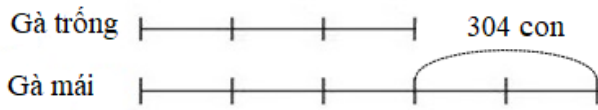
- Tìm số gà trống và gà mái.

Lời giải chi tiết

Sau khi mua thêm 25 con gà trống thì số gà mái nhiều hơn số gà trống là

$$329 - 25 = 304 \text{ (con)}$$

Ta có sơ đồ:



Số con gà trống là

$$304 : 2 \times 3 = 456 \text{ (con)}$$

Số con gà mái là

$$456 + 304 = 760 \text{ (con)}$$

Đáp số: Gà trống 456 con

Gà mái 760 con

Câu 4.

Phương pháp giải

a)

- Tìm nửa chu vi mảnh vườn hình chữ nhật = Chu vi mảnh vườn : 2
- Tìm tổng số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần.
- Tìm chiều rộng và chiều dài mảnh vườn
- Tìm diện tích mảnh vườn hình chữ nhật

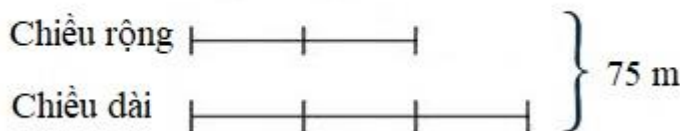
b) Tìm số ki-lô-gam rau trên cả mảnh vườn = (Diện tích vườn : 10) x 5

Lời giải chi tiết

a) Nửa chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật là

$$150 : 2 = 75 \text{ (m)}$$

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng của mảnh vườn đó là

$$75 : 5 \times 2 = 30 \text{ (m)}$$

Chiều dài của mảnh vườn là

$$75 - 30 = 45 \text{ (m)}$$

Diện tích của mảnh vườn đó là

$$30 \times 45 = 1\,350 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Cả thửa ruộng thu hoạch được số ki-lô-gam rau là

$$(1\,350 : 10) \times 5 = 675 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) $1\,350 \text{ m}^2$

b) 675 kg

Bài 5.

Phương pháp giải

a) Nhóm các phân số có cùng mẫu số rồi thực hiện cộng các phân số.

b) Lấy phân số $\frac{6}{13}$ làm nhân tử chung rồi nhân với tổng của các phân số còn lại.

Lời giải chi tiết

$$\text{a) } \frac{2}{7} + \frac{5}{9} + \frac{5}{7} + \frac{11}{13} + \frac{1}{3} + \frac{2}{13}$$

$$= \left(\frac{2}{7} + \frac{5}{7}\right) + \left(\frac{11}{13} + \frac{2}{13}\right) + \left(\frac{5}{9} + \frac{1}{3}\right)$$

$$= 1 + 1 + \left(\frac{5}{9} + \frac{3}{9}\right)$$

$$= 2 + \frac{8}{9}$$

$$= \frac{18}{9} + \frac{8}{9}$$

$$= \frac{26}{9}$$

$$\text{b) } \frac{1}{2} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{3} \times \frac{6}{13} + \frac{1}{4} \times \frac{6}{13}$$

$$= \frac{6}{13} \times \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4}\right)$$

$$= \frac{6}{13} \times \left(\frac{6}{12} + \frac{4}{12} + \frac{3}{12}\right)$$

$$= \frac{6}{13} \times \frac{13}{12} = \frac{1}{2}$$

-----HẾT-----